

Số: **51** /BC-UBND

Trà Vinh, ngày **07** tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO

Việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 25/2021/QH15 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025

Căn cứ Công văn số 349/ĐGS-DT ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Đoàn giám sát Quốc hội khóa XV về việc báo cáo việc triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh báo cáo kết quả triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. VIỆC BAN HÀNH CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH ĐỂ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

1. Những kết quả đạt được

Các văn bản do Trung ương ban hành: Giai đoạn 2021 - 2025 Trung ương ban hành các loại văn bản chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cụ thể như sau:

- Quốc hội ban hành 01 Nghị quyết: Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

- Ban Chấp hành Trung ương Đảng ban hành 02 Nghị quyết: Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới.

- Chính phủ ban hành 01 Nghị quyết và 01 Nghị định: Nghị quyết số 78/NQ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2022 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02 tháng 4 năm 2022 của Bộ Chính trị về Phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Thủ tướng Chính phủ ban hành 16 Quyết định: Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg

ngày 25 tháng 3 năm 2022 quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia; Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 về việc giao dự toán ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia; Quyết định số 1689/QĐ-TTg ngày 11 tháng 10 năm 2021 ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 về việc quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 321/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 về việc quy định tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01 tháng 8 năm 2022 phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 phê duyệt Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 923/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 925/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 phê duyệt Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 926/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 phê duyệt Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

- Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

Ngoài ra, các Bộ, ngành Trung ương ban hành các hướng dẫn thực hiện các tiêu chí nông thôn mới thuộc lĩnh vực mình phụ trách, để các tỉnh căn cứ xây dựng hướng dẫn thực hiện tại địa phương.

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân, Ban Chỉ đạo tỉnh đã ban hành nhiều văn bản quan trọng chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, cụ thể:

- Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Tỉnh ủy về xây dựng tỉnh Trà Vinh đạt chuẩn nông thôn mới trước năm 2025.

- Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành 03 Nghị quyết: Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách Trung ương và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Trà Vinh, giai đoạn 2021 - 2025; Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Đề án xây dựng tỉnh Trà Vinh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trước năm 2025; Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 27 tháng 02 năm 2023 ban hành Quy định nội dung chi và mức chi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, giai đoạn 2021 - 2025.

- Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 12 Quyết định: Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2022 ban hành Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 1186/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2022 về việc kiện toàn Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2022 ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 1416/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2022 ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 1417/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2022 ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 2122/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2022 ban hành Bộ tiêu chí ấp nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 2123/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2022 ban hành tiêu chuẩn “Áp văn hóa; Ấp nông thôn mới”; “Gia đình văn hóa, nông thôn mới” trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 2207/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2022 phê duyệt Kế hoạch thực hiện

Chương trình mỗi xã một sản phẩm tỉnh Trà Vinh đến năm 2025; Quyết định số 2211/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2022 ban hành Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 2212/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2022 ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 2291/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2022 ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 2452/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2022 ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 05 Quyết định: Quyết định số 1000/QĐ-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2022 về việc thành lập Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia và Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 1045/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2022 về việc kiện toàn Hội đồng thẩm định, xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 1618/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2022 về việc thành lập Ban xây dựng “Đề án xây dựng tỉnh Trà Vinh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trước năm 2025”; Quyết định số 1659/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2022 phân công nhiệm vụ các sở, ban, ngành tỉnh phụ trách hướng dẫn, hỗ trợ địa phương thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc các Bộ tiêu chí; Xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu; huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 2121/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2022 về việc thành lập Đoàn thẩm định xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu; thẩm tra huyện đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao và thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025.

- Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia và Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021- 2025 đã ban hành 02 Quyết định và 02 Kế hoạch: Quyết định số 59/QĐ-BCĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022 về việc ban hành Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia và Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 72/QĐ-BCĐ ngày 05 tháng 9 năm 2022 ban hành Chương trình Truyền thông phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch số 45/KH-BCĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022 phân công thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ huyện Cầu Ngang và huyện Duyên Hải đạt chuẩn nông thôn mới năm 2022; Kế hoạch số 66/KH-BCĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022

triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Trà Vinh năm 2022.

Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương, các sở, ngành tỉnh đã ban hành các hướng dẫn thực hiện các tiêu chí nông thôn mới thuộc lĩnh vực mình phụ trách để các địa phương làm căn cứ xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 và hàng năm.

- Phân tích, đánh giá kết quả ban hành các văn bản: Các văn bản chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 từ Trung ương đến địa phương đều đầy đủ và đồng bộ, có tính khả thi cao khi áp dụng vào thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

- Phân tích, đánh giá việc ban hành, hướng dẫn các tiêu chí nông thôn mới: Các hướng dẫn thực hiện các Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới của các Bộ, ngành Trung ương có sát với thực tiễn. Các Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 có nhiều nội dung mới và chỉ tiêu ở các nội dung cũ thì nâng lên cao hơn so với các Bộ tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020, nhất là đối với các tiêu chí về hộ nghèo, thu nhập,...nên tỉnh cũng gặp nhiều khó khăn trong thực hiện.

2. Những khó khăn, bất cập

Một số Bộ, ngành Trung ương ban hành hướng dẫn chậm (*gần cuối năm 2022*) nên kéo theo các sở, ngành tỉnh cũng ban hành hướng dẫn chậm (*Bộ Y tế; Bộ Công Thương, Văn phòng Chính phủ,...*) nên tỉnh gặp khó khăn khi áp dụng để đánh giá kết quả thực hiện các Bộ tiêu chí nông thôn mới năm 2022.

3. Nguyên nhân

Các Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới có nhiều nội dung mới nên cần có thời gian để xây dựng hướng dẫn cho phù hợp, để các tỉnh dễ áp dụng thực hiện. Năm 2022, là năm đầu cả nước thực hiện xây dựng nông thôn mới nên có rất nhiều văn bản mới được ban hành. Vì vậy, một số cơ quan không đủ thời gian để nghiên cứu xây dựng hướng dẫn cho phù hợp với tất cả vùng miền trên cả nước.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TỪ THÁNG 7/2021 ĐẾN NAY

1. Về công tác tuyên truyền, vận động, hướng dẫn thực hiện Chương trình

- Ban Chỉ đạo các cấp đã tổ chức lồng ghép, tuyên truyền được 1.223 cuộc, với 25.175 lượt người tham dự. Các nội dung tuyên truyền, vận động chủ yếu là về các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về thực hiện xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và xây dựng đời sống văn hóa; nội dung thực hiện 19 tiêu chí xã nông thôn mới; 19 tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao; 09 tiêu chí huyện nông thôn mới và huyện nông thôn mới nâng cao; xã nông thôn mới kiểu mẫu; các tiêu chuẩn áp văn hóa, áp nông thôn mới; tiêu

chuẩn gia đình văn hóa, nông thôn mới; vận động chỉnh trang cảnh quan môi trường; xây dựng hố xí hợp vệ sinh, xây dựng hàng rào cây xanh, phát hoang bụi rậm các tuyến đường giao thông nông thôn,...

- Công tác tập huấn, nâng cao năng lực cho cán bộ các cấp: Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh đã xây dựng và ban hành kế hoạch tập huấn tuyên truyền, nâng cao năng lực cho cán bộ các cấp, với 51 lớp tập huấn, hiện đã hoàn thành các lớp tập huấn, với hơn 1.500 lượt người tham dự đã góp phần nâng cao năng lực cho đội ngũ Ban Chỉ đạo xã trong xây dựng nông thôn mới. Ban Chỉ đạo các huyện, thị xã và thành phố đã tổ chức nhiều lớp tập huấn nâng cao kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho cán bộ và người dân trên địa bàn.

- Công tác kiểm tra, giám sát: Ban Thường vụ Tỉnh ủy thành lập Đoàn kiểm tra để tiến hành kiểm tra Ban Thường vụ Huyện ủy Trà Cú về thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Tỉnh ủy về xây dựng tỉnh Trà Vinh đạt chuẩn nông thôn mới trước năm 2025 và các nghị quyết khác liên quan; tổ chức rà soát kết quả xây dựng nông thôn mới và tổ chức thẩm định, xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới đối với các xã: Thuận Hòa, Nhị Trường, Thạnh Hòa Sơn, Long Sơn, Đôn Xuân, Đôn Châu. Khảo sát thực tế kết quả, kiểm tra tiến độ xây dựng huyện nông thôn mới đối với 02 huyện: Cầu Ngang và Duyên Hải; tổ chức rà soát kết quả xây dựng xã nông thôn mới theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2021 - 2025 đối với 03 xã: Ngãi Xuyên, Hàm Giang và Kim Sơn, huyện Trà Cú. Bên cạnh đó còn phối hợp tổ chức rà soát kết quả thực hiện 09 tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn huyện: Cầu Kè và Tiểu Cần; chỉ đạo các sở, ngành tỉnh, Ban Chỉ đạo thành phố, Ban Chỉ đạo xã Long Đức hỗ trợ hoàn thành hồ sơ xã nông thôn mới kiểu mẫu trình Ủy ban nhân dân tỉnh thẩm định công nhận.

Qua các đợt kiểm tra, giám sát góp phần hỗ trợ Ban Chỉ đạo các huyện, thị xã, thành phố khắc phục các tồn tại, hạn chế và xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đạt mục tiêu kế hoạch đề ra.

2. Về việc kiện toàn, thành lập hệ thống bộ máy chỉ đạo, tổ chức thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

- Kết quả thực hiện công tác kiện toàn, thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025: Để triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 Trung ương đã thành lập Ban Chỉ đạo tại Quyết định số 1945/QĐ-TTg ngày 18 tháng 11 năm 2021; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 1000/QĐ-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2022 về việc thành lập Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia và Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025. Để lãnh chỉ đạo và điều hành hoạt động Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới có hiệu quả và đi vào chiều sâu, Ủy ban nhân dân tỉnh đã kiện toàn Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh và kiện toàn Hội đồng thẩm định, xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu

mẫu trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025. Ban Chỉ đạo cấp huyện, cấp xã cũng được kiện toàn, củng cố và thành lập Ban Quản lý Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp xã nhằm bảo đảm toàn diện trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ tại cơ sở. Tại các xã có bố trí 01 cán bộ kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

- Việc xây dựng quy chế hoạt động/phân công nhiệm vụ của thành viên Ban Chỉ đạo các cấp: Ban Chỉ đạo Trung ương các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 ban hành Quyết định số 18/QĐ-BCĐCTMTQG ngày 27 tháng 01 năm 2022 về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo Trung ương các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025; Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia và Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025 ban hành Quyết định số 59/QĐ-BCĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022 về việc ban hành Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia và Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025. Theo đó, đã phân công nhiệm vụ cụ thể từng thành viên Ban Chỉ đạo và áp dụng triển khai phù hợp với thực tiễn.

- Công tác phối hợp giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Cơ quan chủ trì thực hiện Chương trình*), các Bộ, ngành Trung ương có liên quan; cơ chế phối hợp giữa các sở, ngành tỉnh với các địa phương trong quản lý, chỉ đạo và triển khai chương trình: Công tác phối hợp rất kịp thời, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương thường xuyên ban hành các văn bản chỉ đạo để tỉnh áp dụng thực hiện. Bên cạnh đó, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các bộ, ngành liên quan thường xuyên tổ chức hội nghị trực tuyến để chỉ đạo, trao đổi những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025. Ban Chỉ đạo tỉnh thường xuyên ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, Trưởng Ban Chỉ đạo tỉnh tổ chức họp định kỳ 2 tuần/lần, để nghe các địa phương báo cáo về kết quả xây dựng nông thôn mới, từ đó kịp thời chỉ đạo cũng như tháo gỡ khó khăn trong quá trình các địa phương triển khai thực hiện.

- Những khó khăn, bất cập trong quá trình thực hiện: Trong quá trình thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh gặp một số khó khăn như: Cán bộ thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới cấp huyện và cấp xã đều là cán bộ kiêm nhiệm, không có cán bộ chuyên trách nên trong quá trình thực hiện còn gặp nhiều khó khăn như: Công việc nhiều cán bộ thực hiện ít và do kiêm nhiệm nên một số cán bộ thiếu trình độ chuyên môn.

3. Về lập kế hoạch, phân bổ ngân sách và lập dự toán

a) Việc lập kế hoạch, thẩm định, phê duyệt, giao dự toán thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia hàng năm và trung hạn 5 năm giai đoạn và 2021 - 2025:

Trên cơ sở Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022

của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia; Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành các nghị quyết: Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách Trung ương và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Trà Vinh, giai đoạn 2021 - 2025; Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 về giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 về bổ sung dự toán, bổ sung có mục tiêu vốn ngân sách Trung ương năm 2022 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 về phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2023.

b) Việc phân bổ, giao kế hoạch vốn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, giai đoạn 2021 - 2025; năm 2022 và năm 2023:

Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành các quyết định giao vốn: Quyết định số 1320/QĐ-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2022 về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia; Quyết định số 1339/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2022 về việc giao bổ sung dự toán, bổ sung có mục tiêu vốn ngân sách Trung ương năm 2022 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia; Quyết định số 2366/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2022 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023. Theo đó, đã giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 là 325.910 triệu đồng (100% kế hoạch); đồng thời, ngân sách tỉnh phân bổ vốn đầu tư đối ứng thực hiện chương trình là 550.000 triệu đồng.

- Năm 2022, tổng nguồn vốn đã giao thực hiện chương trình là 296.160 triệu đồng; trong đó: Vốn ngân sách trung ương là 124.160 triệu đồng (vốn đầu tư 100.770 triệu đồng, vốn sự nghiệp 23.390 triệu đồng); vốn ngân sách tỉnh (vốn đầu tư) đối ứng 172.000 triệu đồng; ngoài ra, còn nguồn huy động từ các nguồn vốn khác như: Vốn lồng ghép là 566.949 triệu đồng; vốn tín dụng là 87.718 triệu đồng; vốn doanh nghiệp là 49.304 triệu đồng; vốn dân đóng góp là 106.607 triệu đồng (chủ yếu hiến đất, cây cối, hoa màu, ...).

* Kết quả giải ngân vốn đến hết năm 2022 là 258.732/296.160 triệu đồng, đạt 87,3% (*Vốn ngân sách Trung ương giải ngân 103.639/124.160 triệu đồng, đạt 83,4% (Vốn đầu tư giải ngân 95.637/100.770 triệu đồng, đạt 95%; vốn sự nghiệp giải ngân 8.002/23.390 triệu đồng đạt 34%); Vốn ngân sách tỉnh đối ứng giải ngân 155.093/172.000 triệu đồng, đạt 90,2%*).

- Năm 2023, tổng nguồn vốn đã giao thực hiện chương trình là 280.283 triệu đồng; trong đó: Vốn ngân sách trung ương là 110.283 triệu đồng (*vốn đầu tư 84.370 triệu đồng, vốn sự nghiệp 25.913 triệu đồng*) và vốn ngân sách tỉnh đối ứng 170.000 triệu đồng.

4. Về kết quả thực hiện Chương trình

a) Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới các cấp:

- Tình hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới: Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 thông qua Đề án xây dựng tỉnh Trà Vinh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trước năm 2025.

- Huyện nông thôn mới: Toàn tỉnh có 06/9 đơn vị cấp huyện (*huyện Tiểu Cần, Cầu Kè, Càng Long, Châu Thành, thị xã Duyên Hải và thành phố Trà Vinh*) được Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Theo kế hoạch năm 2022, có 02 huyện đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới là huyện Cầu Ngang và Duyên Hải. Qua rà soát, đánh giá, kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới của 02 huyện: Cầu Ngang và Duyên Hải đạt 9/9 tiêu chí huyện nông thôn mới theo Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh. Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức thẩm tra kết quả xây dựng huyện nông thôn mới, hoàn thiện hồ sơ theo quy định và đã trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị thẩm định, xét, công nhận 02 huyện: Duyên Hải và Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh đạt chuẩn nông thôn mới năm 2022 (*Tờ trình số: 435/TTr-UBND và 436/TTr-UBND ngày 08/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh*).

- Xã nông thôn mới: Toàn tỉnh có 82/85 xã đạt chuẩn nông thôn mới chiếm tỷ lệ 96,47% (*bình quân tiêu chí đạt 19 tiêu chí/xã theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020; 17 tiêu chí/xã theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025*). Còn lại 03 xã: Ngãi Xuyên, Kim Sơn, Hàm Giang, huyện Trà Cú, hiện BCĐ huyện Trà Cú đã tập trung thực hiện các tiêu chí nông thôn mới theo Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh, đến nay, đạt 19/19 tiêu chí và hoàn chỉnh hồ sơ để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, công nhận.

- Xã nông thôn mới nâng cao: Toàn tỉnh có 27 xã¹ được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao. Theo kế hoạch năm 2022, có thêm 10 xã đăng ký, 5 xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới nâng

¹ Xã Long Đức, TP. Trà Vinh; xã Tân Hùng, Phú Cần, Tân Hòa, Hùng Hòa, Long Thới, Hiếu Từ, huyện Tiểu Cần; xã Mỹ Long Bắc, Mỹ Long Nam, Hiệp Mỹ Đông, huyện Cầu Ngang; xã Thạnh Phú, Ninh Thới, Phong Phú, Tam Ngãi, Thông Hòa, An Phú Tân, huyện Cầu Kè; xã Long Vĩnh, Đông Hải, huyện Duyên Hải; xã An Trường, Nhị Long Phú, Đức Mỹ, Đại Phước, Tân Bình, huyện Càng Long; Ngọc Biên, Đại An, huyện Trà Cú; xã Dân Thành, Long Toàn, thị xã Duyên Hải.

cao. Đến nay, có 6/15 xã đạt 19/19 tiêu chí, 3/15 xã đạt 18/19 tiêu chí, 6/15 xã đạt từ 9-11 tiêu chí. Hiện các xã đang tập trung thực hiện các tiêu chí và hoàn chỉnh hồ sơ chuẩn bị trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, công nhận.

- Ấp nông thôn mới: Toàn tỉnh có 632/641 ấp đạt chuẩn ấp văn hóa và ấp nông thôn mới (*tăng 24 ấp so với cuối năm 2021*), đạt 98,6%. Trong đó, có 53 ấp nông thôn mới kiểu mẫu (*tăng 45 ấp so với cuối năm 2021*).

- Hộ nông thôn mới: Toàn tỉnh có 218.997/229.418 hộ đạt chuẩn gia đình văn hóa, nông thôn mới đạt 95,46% (*tăng 5.680 hộ so với cuối năm 2021*).

b) Kết quả thực hiện các nội dung thành phần, các chương trình chuyên đề:

- Quy hoạch xây dựng nông thôn mới: Trên địa bàn tỉnh hiện có 85/85 xã đã rà soát, điều chỉnh, lập mới quy hoạch chung xây dựng xã nông thôn mới, chiếm tỷ lệ 100%.

- Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội: Với sự hỗ trợ từ nguồn vốn của địa phương và lồng ghép các chương trình, dự án, Ban Chỉ đạo cấp huyện, cấp xã tích cực vận động nhân dân hiến đất, cây cối, hoa màu, ngày công lao động để thực hiện các công trình cơ sở hạ tầng nhằm hoàn thiện từng tiêu chí, cụ thể:

+ Về giao thông: Tranh thủ nhiều nguồn vốn từ Bộ, ngành Trung ương triển khai đầu tư xây dựng trên 56 dự án (*tổng chiều dài đường trên 952,79 km và 140 cầu. Đã kiểm tra, đánh giá và công nhận 82/85 xã đạt tiêu chí 2 (về giao thông) xã nông thôn mới, chiếm tỷ lệ 96,47%; công nhận 27/85 xã đạt tiêu chí số 02 (về giao thông) xã nông thôn mới nâng cao, chiếm tỷ lệ 31,76%* và đến nay, có 08 đơn vị hành chính cấp huyện đạt tiêu chí 2 (*về giao thông*), gồm các huyện: Tiểu Cần; Cầu Kè; Càng Long; Châu Thành; Cầu Ngang, Duyên Hải; thị xã Duyên Hải và thành phố Trà Vinh còn lại huyện Trà Cú chưa đạt. Hiện nay, đang tiếp tục rà soát, kiểm tra các xã còn lại để công nhận xã đạt tiêu chí xã nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao và huyện nông thôn mới theo Bộ tiêu chí mới của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 (*theo Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2022 và Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh*). Ngoài ra, trong năm còn triển khai thực hiện 27 công trình duy tu, sửa chữa trên các tuyến đường tỉnh, đường huyện từ nguồn vốn ngân sách tỉnh và vốn ngân sách trung ương cấp bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương từ nguồn thu phí đường bộ, với tổng mức đầu tư trên 84 tỷ đồng, trong đó sửa chữa 67,609 km đường và 01 cầu, tạo điều kiện để các xã và huyện Cầu Ngang, huyện Duyên Hải đạt tiêu chí 02 về giao thông trong xây dựng xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao và huyện nông thôn mới trong năm 2022 theo chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Về Thủy lợi: Trong năm, đã đầu tư xây dựng nạo vét 84 tuyến kênh cấp II, sửa chữa và thay mới 10 cửa công, sửa chữa khắc phục sạt lún 03 tuyến đê kè; đầu tư xây dựng 499 công trình, bao gồm: Tu bổ, gia cố 40 bờ bao; nâng cấp, sửa chữa 18 bọng; nạo vét 441 tuyến kênh cấp III, với 98.319 triệu đồng. Đến nay, có 85/85 xã đạt tiêu chí 3 về Thủy lợi.

+ Về điện: Nhằm nâng cao tỷ lệ hộ sử dụng điện trên địa bàn các xã xây dựng nông thôn mới đạt tiêu chí 4 về điện nông thôn, trong năm 2022 thực hiện chủ trương xóa dần việc bán điện qua hình thức câu phụ (*câu đuôi, kéo chuyển, chia hơi*), tiến tới bán điện trực tiếp đến từng hộ sử dụng điện qua công tơ chính của ngành điện với kế hoạch xóa câu phụ cho 5.734 hộ, với suất đầu tư bình quân không quá 06 triệu đồng/hộ. Đến nay, có 85/85 xã đạt tiêu chí 4 về Điện.

+ Về Trường học: Năm 2022, có 19 trường được công nhận và tái công nhận đạt chuẩn quốc gia (*01 trường Mầm non, 06 trường tiểu học, 06 trường THCS và 06 trường THPT*). Nâng tổng số toàn tỉnh hiện có 162/402 (*tỉ lệ 40,3%*) trường đạt chuẩn quốc gia. Ngoài ra, Sở Giáo dục và Đào tạo đã tích cực chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo và các trường THPT thuộc huyện Cầu Ngang và huyện Duyên Hải thực hiện hoàn thành nhiệm vụ tham gia xây dựng huyện đạt nông thôn mới đối với các tiêu chí do ngành giáo dục phụ trách.

+ Về Y tế: Đã đầu tư xây mới 11 Trạm Y tế, nâng cấp cải tạo 18 Trạm Y tế và mua sắm trang thiết bị. Kết quả đã hoàn thành xây mới 06 Trạm Y tế xã (*Hung Mỹ, Lương Hòa A, huyện Châu Thành; Mỹ Long Bắc, huyện Cầu Ngang; Hàm Giang, Kim Sơn, huyện Trà Cú và Phú Cần, huyện Tiểu Cần*), với tổng kinh phí đầu tư 23,4 tỷ đồng.

- Phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân:

Toàn tỉnh có 3.148,32 ha đất trồng lúa chuyển sang các loại cây trồng khác và nuôi thủy sản (*tăng 2,35 lần so với Kế hoạch số 32/KH-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh*), cụ thể: Chuyển sang trồng bắp 143,7 ha, đậu phộng 34,5 ha, màu thực phẩm 915 ha, trồng cỏ 97,26 ha, cây hàng năm khác 29,19 ha; chuyển sang trồng cây ăn trái 917,53 ha, dừa 984,34 ha; kết hợp nuôi thủy sản 13,2 ha, chuyên nuôi thủy sản 13,6 ha. Huyện Trà cú có 113,25 ha đất trồng mía chuyển sang các loại cây trồng khác, gồm: Chuyển sang trồng bắp 02 ha, cỏ 11,2 ha, dừa 20,65 ha, rau củ quả 14,4 ha, lúa 29,4 ha, kết hợp thủy sản 18,5ha, chuyên thủy sản 17,1 ha. Nâng tổng số từ năm 2014 đến nay chuyển đổi 22.165 ha (*chuyển sang trồng cây hàng năm 13.324 ha, chuyển sang trồng cây lâu năm 5.421 ha, kết hợp và chuyên nuôi thủy sản 3.420 ha*) và có 3.052,72 ha đất trồng mía chuyển đổi sang trồng lúa, màu, trồng cỏ chăn nuôi bò, trồng dừa, cây ăn trái và nuôi thủy sản. Diện tích nuôi tôm thâm canh mật độ cao tiếp tục được nhân rộng, đến nay có 1.114 ha (*tăng 230 ha so cùng kỳ*) tập trung ở các huyện: Cầu Ngang, Duyên Hải, Trà Cú và thị xã Duyên Hải, năng suất bình quân từ 50-70 tấn/ha; tiếp tục duy trì nuôi tôm sinh thái kết hợp với trồng rừng với diện tích 5.750 ha tập trung chủ yếu ở huyện Duyên Hải và thị xã Duyên Hải.

+ Về Chương trình mỗi xã một sản phẩm: Năm 2022, Trà Vinh công nhận thêm 104 sản phẩm mới, nâng tổng số đến nay tỉnh có 184 sản phẩm được công nhận đạt OCOP (*09 sản phẩm đạt 5 sao, 38 sản phẩm 4 sao và 137 sản phẩm 3 sao*).

+ Phát triển các loại hình Kinh tế hợp tác: Số Hợp tác xã thành lập mới trong năm 2022 là 23 Hợp tác xã (vượt 130% Kế hoạch đề ra), so cùng kỳ tăng 21%. Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 01 Liên hiệp Hợp tác xã lúa gạo và 172 Hợp tác xã đang hoạt động, trong đó có 125 Hợp tác xã nông nghiệp, 32 Hợp tác xã phi nông nghiệp, 16 Quỹ tín dụng, với vốn điều lệ 166,364 tỷ đồng, thu hút 28.855 thành viên và 30 hợp tác xã ngưng hoạt động. Thực hiện theo Quyết định 298/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh và Quyết định số 3141/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh sách hợp tác xã tham gia Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân phân bổ nguồn vốn hỗ trợ chính sách về đầu tư cơ sở hạ tầng cho các hạng mục đầu tư xây dựng đường nhựa, hệ thống sấy lúa, máy xay xát liên hoàn, trạm bơm liên ấp cho Hợp tác xã nông nghiệp Rạch Lọp, Hợp tác xã nông nghiệp Phú Mỹ Châu, Hợp tác xã nông nghiệp Phú Cần, Hợp tác xã vận tải phà Phước Vinh và Hợp tác xã nông nghiệp Long Hiệp với nguồn vốn ngân sách hỗ trợ là 12.176 triệu đồng.

- Phát triển y tế cơ sở, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn luôn được quan tâm đầu tư và phát triển: Toàn tỉnh có 928.641/1.018.636 người tham gia BHYT, đạt 92,13%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi của tỉnh có 5.005/72.687 trẻ, chiếm 6,9%; suy dinh dưỡng thể nhẹ cân có 3.414/72.687 trẻ, còn 4,7%. Sở Y tế tổ chức phúc tra tại 97 xã, phường, thị trấn báo cáo kết quả thực hiện đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã năm 2021 theo Quyết định số 4667/QĐ-BYT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế, kết quả có 97/97 xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế năm 2021. Sở Y tế đang tổng hợp hồ sơ trình Hội đồng xét công nhận xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế xem xét để có cơ sở trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận.

- Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với du lịch nông thôn: Đến nay, toàn tỉnh hiện có 752/756 ấp, khóm văn hóa; 85/85 xã văn hóa nông thôn mới; 19/21 phường, thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh (*trong đó có 17 đơn vị được công nhận theo Thông tư số 02/2013/TT-BVHTTDL ngày 24/01/2013 của Bộ VHTTDL; 02 đơn vị được công nhận theo Quyết định số 04/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ*); 103/106 nhà văn hóa xã, phường, thị trấn; 753/756 nhà văn hóa ấp, khóm; 1.162/1.200 cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa; 08 Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao (*Nhà Văn hóa*) cấp huyện.

- Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam: Triển khai thực hiện 03 mô hình giảm thiểu, thu gom chất thải nhựa trên địa bàn huyện Cầu Ngang và huyện Duyên Hải thuộc dự án Điều tra hiện trạng phát sinh rác thải nhựa trên địa bàn tỉnh Trà Vinh và đề xuất biện pháp giảm thiểu, tái sử dụng và tái chế phù hợp với điều kiện kinh tế Trà Vinh: (1) Mô hình triển khai tại 04 Trường học (*Trường THCS Đôn Xuân, Trường*

Tiểu học Đôn Xuân A, Trường Tiểu học Đôn Xuân B và Trường Mầm non Đôn Xuân - xã Đôn Xuân, huyện Duyên Hải); (2) Mô hình thí điểm giảm thiểu rác thải nhựa và kết nối với mô hình thu gom rác thải nhựa tại Chợ thị trấn Long Thành huyện Duyên Hải; (3) Mô hình thí điểm giảm thiểu rác thải nhựa và kết nối với mô hình thu gom rác thải nhựa tại 03 Khu dân cư xã Kim Hòa, Nhị Trường và Hiệp Mỹ Tây, huyện Cầu Ngang; tổ chức 04 cuộc hướng dẫn chuyên môn cho huyện Cầu Ngang và huyện Duyên Hải về việc triển khai xử lý các bãi rác; xây dựng cảnh quan môi trường, thu gom, xử lý rác thải; tổ chức 01 lớp tập huấn quản lý nhà nước về môi trường cho đội ngũ công chức, viên chức 03 cấp (*cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã*) với 350 đại biểu tham dự, trong đó có chuyên đề Những điểm mới về tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; tổ chức thực hiện 46 chương trình, dự án/nhiệm vụ, trong đó một số nhiệm vụ, dự án có liên quan, góp phần thực hiện tiêu chí nông thôn mới có liên quan bằng nguồn vốn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường khoảng hơn 12 tỷ đồng. Rà soát, đầu tư xây dựng, nâng cấp mở rộng các trạm cấp nước, nâng tổng số đến nay tỷ lệ người dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%, trong đó tỷ lệ người dân nông thôn sử dụng nước sạch đạt 77,2%; tổ chức thực hiện 09 chương trình, dự án/nhiệm vụ để thực hiện tiêu chí nông thôn mới bằng nguồn vốn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường khoảng 11.139.630.307 đồng. Đến nay, có 63/85 xã đạt tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, có 09/85 xã chưa đạt, còn lại có 13/85 xã chưa đánh giá (*do địa phương chưa hoàn thiện và gửi báo cáo đánh giá*).

- Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới; cải thiện và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân:

+ Tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã về kỹ năng lãnh đạo, quản lý; bồi dưỡng kỹ năng, phương pháp hoạt động cho người không chuyên trách cấp xã; bồi dưỡng tập huấn nông thôn mới do Bộ Nội vụ tổ chức. Sở Nội vụ theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn phụ trách (*tiêu chí 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật*) theo dõi kiểm tra, thẩm định các xã nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao năm 2021 và phối hợp, tham gia cùng đoàn của tỉnh thẩm tra kết quả xây dựng huyện nông thôn mới 02 huyện: Cầu Ngang và Duyên Hải.

+ Xây dựng chuyên mục “Pháp luật và cuộc sống” năm 2022 để truyền thông, PBGDPL thực hiện 05 kỳ phát sóng trên Đài Phát thanh và Truyền hình Trà Vinh; tổ chức Đoàn công tác đến làm việc nắm tình hình thực hiện chỉ tiêu, tiêu chí chuẩn tiếp cận pháp luật tại các huyện Cầu Ngang, Duyên Hải, Trà Cú, Càng Long, Châu Thành, Cầu Kè, Tiểu Cần; tổ chức thành công lớp tập huấn xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật cho hơn 140 đại biểu là thành viên Hội đồng đánh giá công nhận chuẩn tiếp cận pháp luật cấp huyện, công chức cấp xã phụ trách các chỉ tiêu, Tiêu chí xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn tỉnh. Ngoài ra, theo kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng, tổ chức

01 lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng PBGDPL cho đội ngũ báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh, cấp huyện và tuyên truyền viên pháp luật cấp xã; 05 lớp tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ hòa giải ở cơ sở cho tập huấn viên cấp huyện, hòa giải viên ở cơ sở và 01 lớp tọa đàm nghiệp vụ hòa giải ở cơ sở. Đến nay, qua theo dõi kiểm tra, kết quả thực hiện xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật toàn tỉnh có 106 xã, phường, thị trấn cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu, tiêu chí chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2022.

- Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn:

+ Lãnh vực Quốc phòng: Cấp ủy Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh chỉ huy các cơ quan, đơn vị thường xuyên quan tâm phối hợp địa phương tích cực tham gia xây dựng cơ sở chính trị ở địa phương vững mạnh, đã tham gia xây dựng 106/106 xã, phường, thị trấn. Cùng cố cán bộ Ban Chỉ huy Quân sự xã, phường, thị trấn vững mạnh, đến nay đã sắp xếp đủ biên chế cán bộ Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự xã, phường, thị trấn; 100% Chi bộ Quân sự xã có cấp ủy và 100% Chi đoàn Quân sự hoạt động có nền nếp, đảm bảo chất lượng và hiệu quả. Đến nay, đã xây dựng 106/106 xã, phường, thị trấn vững mạnh về quốc phòng - an ninh. Phối hợp với các cơ quan, ban ngành đoàn thể, cấp ủy, chính quyền địa phương thực hiện tốt công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ năm 2022, kết quả trúng tuyển 900 thanh niên đạt 100% kế hoạch. Bên cạnh đó các đơn vị và địa phương tặng quà cho thanh niên lên đường nhập ngũ là 900 suất với số tiền hơn 1,8 tỷ đồng; tặng sổ tiết kiệm là 311 sổ với số tiền 695 triệu đồng. Thực hiện xây dựng tuyến đường "*Sáng - xanh - sạch - đẹp*", đã tổ chức trồng hoa 15.135 cây Hoàng Yến, Bông Giấy, Bông Trang... với chiều dài trên 95 km. Các cơ quan, đơn vị và Ban Chỉ huy Quân sự các huyện, thị xã, thành phố, đã đăng ký 12 tuyến đường theo quy định, đã trồng các loại cây, hoa kiểng, đồng thời thường xuyên chăm sóc, vệ sinh, tạo cảnh quang môi trường "*sáng, xanh, sạch, đẹp*". Thực hiện phong trào thi đua "*Lực lượng vũ trang tỉnh chung sức xây dựng nông thôn mới*" được cấp ủy, chỉ huy các cơ quan, đơn vị đề cao vai trò, trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện, đạt được hiệu quả thiết thực, hoàn thành các tiêu chí mà nghị quyết đã đề ra; trên cơ sở tiêu chí xây dựng gia đình văn hoá, nông thôn mới, cán bộ Lực lượng vũ trang tỉnh đã đăng ký phấn đấu, đến nay, Lực lượng thường trực 100%; Lực lượng Dân quân tự vệ 95,75%; Lực lượng dự bị động viên 93,15%.

+ Lãnh vực An ninh: Quán triệt, thực hiện sự chỉ đạo của Bộ Công an và Ban Chỉ đạo tỉnh đã chỉ đạo Công an các đơn vị, huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch cụ thể hóa và tổ chức triển khai thực hiện nội dung công tác xây dựng nông thôn mới cho toàn thể cán bộ cơ sở và lực lượng Công an xã quán triệt được 42 cuộc với 2.405 lượt đồng chí tham dự. Đồng thời, tiếp tục thực hiện tốt Thông tư số 23/2012/TT-BCA ngày 27/4/2012 của Bộ trưởng Bộ Công an Quy định về khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn an toàn về ANTT (*nay là Thông tư số 24/2021/TT-BCA ngày 28/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Công an*). Đến nay, toàn tỉnh có 755/756 ấp, khóm (*đạt 99,86%*) và 105/106 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn "*An toàn về ANTT năm 2022*" (*đạt 99,05%*).

- Truyền thông về xây dựng nông thôn mới: Các tiêu chí thuộc ngành thông tin và truyền thông trên địa bàn tỉnh Trà Vinh cơ bản đáp ứng theo Bộ tiêu chí về xã có điểm phục vụ bưu chính; có dịch vụ viễn thông, Internet; hệ thống đài Truyền thanh cơ sở và hệ thống loa đến các ấp; có ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, cụ thể: 85/85 xã trên địa bàn tỉnh đều có điểm phục vụ bưu chính, cơ bản đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về điểm phục vụ bưu chính theo quy định tại Quyết định số 1127/QĐ-BTTTT ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, các xã được cung cấp các dịch vụ điện thoại cố định mặt đất, di động mặt đất, dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định và băng rộng di động; 100% xã đã được phát triển và phủ sóng mạng thông tin di động 2G/3G/4G, có hệ thống truyền thanh cơ sở (*đài truyền thanh không dây và hệ thống loa đến ấp*), đảm bảo phục vụ tốt cho công tác thông tin tuyên truyền của địa phương, có hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng các điều kiện trong công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của chính quyền địa phương. Hệ thống một cửa điện tử và dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ <http://dichvucong.travinh.gov.vn> đã triển khai đến 100% cơ quan hành chính nhà nước gồm: 18/19 sở, ban, ngành; 09/09 huyện, thị xã, thành phố và 106/106 xã/phường/thị trấn trên địa bàn toàn tỉnh. 100% cán bộ công chức, viên chức của xã được trang bị máy tính để làm việc; 100% Ủy ban nhân dân cấp xã được trang bị máy tính kết nối mạng LAN. Hệ thống mạng LAN được duy trì ổn định, kết nối mạng Internet cáp quang tốc độ cao, đảm bảo cho việc quản lý, điều hành qua môi trường mạng. Hộp mail công vụ (*thư điện tử*), chứng thư số, iOffice đã được triển khai 100% tại các xã, phường, thị trấn; 100% cán bộ, công chức, bộ phận chuyên môn của xã được cấp tài khoản hộp thư điện tử công vụ trao đổi công việc,... giúp cho công tác quản lý, chỉ đạo điều hành của địa phương được nhanh chóng, thuận lợi, hiệu quả.

5. Công tác kiểm tra, giám sát thực Chương trình

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy thành lập Đoàn kiểm tra để tiến hành kiểm tra Ban Thường vụ Huyện ủy Trà Cú về thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Tỉnh ủy về xây dựng tỉnh Trà Vinh đạt chuẩn nông thôn mới trước năm 2025 và các nghị quyết khác liên quan.

- Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các sở, ngành tỉnh tổ chức rà soát kết quả xây dựng nông thôn mới và tổ chức thẩm định, xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới đối với các xã: Thuận Hòa, Nhị Trường, Thạnh Hòa Sơn, Long Sơn, Đôn Xuân, Đôn Châu. Khảo sát thực tế kết quả, kiểm tra tiến độ xây dựng huyện nông thôn mới đối với 02 huyện: Cầu Ngang và Duyên Hải; tổ chức rà soát kết quả xây dựng xã nông thôn mới theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2021 - 2025 đối với 3 xã: Ngãi Xuyên, Hàm Giang và Kim Sơn, huyện Trà Cú. Bên cạnh đó còn phối hợp tổ chức rà soát kết quả thực hiện 09 tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn huyện Cầu Kè và huyện Tiểu Cần; phối hợp với các sở, ngành tỉnh, Ban Chỉ đạo thành phố, Ban Chỉ đạo xã Long Đức hỗ trợ hoàn thành hồ sơ xã nông thôn mới kiểu mẫu trình Ủy ban nhân dân tỉnh thẩm định công nhận. Qua các đợt kiểm tra, giám sát góp phần hỗ trợ Ban Chỉ đạo các huyện, thị xã,

thành phố khắc phục các tồn tại, hạn chế và xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đạt mục tiêu kế hoạch đề ra.

Qua các đợt kiểm tra, giám sát góp phần hỗ trợ Ban Chỉ đạo các huyện, thị xã, thành phố khắc phục các tồn tại, hạn chế và xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đạt mục tiêu kế hoạch đề ra.

6. Đánh giá chung

a) Kết quả đạt được:

- Được sự quan tâm, hỗ trợ của Trung ương và quán triệt các chủ trương, ý kiến kết luận chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, các ngành, đơn vị, địa phương và các thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ đề ra.

- Các ban, ngành đã tích cực chủ động sáng tạo trong công tác tham mưu tích cực và trực tiếp thực hiện tốt các nội dung chương trình xây dựng nông thôn mới theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đã trở thành phong trào được cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân đồng tình ủng hộ, tích cực tham gia bằng hành động, việc làm cụ thể và bước đầu đạt được một số kết quả tích cực.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, các bộ tiêu chí xã, huyện nông thôn mới, các hướng dẫn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, các Bộ, ngành Trung ương và các sở, ngành tỉnh chậm ban hành các văn bản áp dụng trên địa bàn tỉnh, nhất là các hướng dẫn để thực hiện các tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; văn bản Ban hành quy định trình tự thủ tục, hồ sơ xét công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

- Một số xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 sau khi rà soát, đánh giá theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2021 - 2025 nhiều nội dung tiêu chí của xã, huyện không đáp ứng yêu cầu.

- Về nguồn vốn: Ngân sách Trung ương phân bổ chậm, trong khi nguồn thu ngân sách địa phương còn hạn chế, trong khi nhu cầu về nguồn lực để tổ chức thực hiện chương trình là rất lớn. Nguồn vốn để thực hiện chương trình chủ yếu phụ thuộc vào ngân sách Trung ương, nên các địa phương còn gặp khó khăn trong thực hiện các công trình phục vụ xây dựng nông thôn mới.

- Công tác rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch còn chậm, chưa đáp ứng cho yêu cầu xây dựng nông thôn mới, mặt khác công tác quản lý quy hoạch chưa chặt chẽ nên xảy ra tình trạng nhiều địa phương chuyển đổi thiếu kiểm soát tạo ra nhiều rủi ro. Hoạt động nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học được

xem là giải pháp đột phá, nhưng hiệu quả chưa cao, bộc lộ nhiều hạn chế, khó khăn trong gắn kết với thị trường.

- Việc đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất và các loại hình kinh tế nông thôn còn chậm; thiếu doanh nghiệp có năng lực tham gia đầu tư nhiều vào nông nghiệp và nông thôn, tham gia liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ, chủ yếu là chỉ tham gia liên kết để bán vật tư đầu vào.

- Các xã chưa có cán bộ chuyên trách thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới chủ yếu là kiêm nhiệm.

- Công tác phối hợp tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia BHYT còn hạn chế, người dân còn chủ quan và chưa thấy được hiệu quả của việc tham gia BHYT.

- Công tác vệ sinh môi trường, nhất là chất lượng môi trường sống chưa được thực hiện tốt, ý thức giữ gìn, bảo vệ môi trường trong nhân dân còn hạn chế. Tình trạng chăn nuôi gia súc gia cầm, nuôi trồng thủy - hải sản còn gây ô nhiễm môi trường còn xảy ra ở một số nơi.

c) Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế:

- Các Bộ, ngành Trung ương chậm ban hành các văn bản triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 dẫn đến các sở, ngành tỉnh chậm ban hành các văn bản áp dụng trên địa bàn tỉnh, nhất là các hướng dẫn để thực hiện các tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, văn bản Ban hành quy định trình tự thủ tục, hồ sơ xét công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

- Tư tưởng chủ quan, trông chờ, ỷ lại, thiếu chủ động đề ra kế hoạch của một số địa phương cũng là nguyên nhân làm cho phong trào thiếu tính lôi cuốn, đưa đến tình trạng một số ấp, xã văn hóa, nông thôn mới chưa đạt chất lượng cao.

- Công tác hướng dẫn, chỉ đạo địa phương thực hiện các nội dung tiêu chí thuộc lĩnh vực quản lý của một số sở, ngành chưa thường xuyên, chưa có sự phối hợp chặt chẽ.

III. CÁC KIẾN NGHỊ, GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI 6 THÁNG CUỐI NĂM 2023 VÀ ĐẾN HẾT NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

1. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện Chương trình

a) Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành:

Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh được giao nhiệm vụ chủ trì, phối hợp và hướng dẫn thực hiện các tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu tiếp tục rà soát, bổ sung, điều chỉnh các văn bản hướng dẫn cụ thể từng tiêu chí do đơn vị quản lý, phụ trách để thực hiện chương trình trên

cơ sở các văn bản hướng dẫn của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương giai đoạn 2021 - 2025. Chỉ đạo huyện Cầu Kè xây dựng kế hoạch thực hiện đạt huyện nông thôn mới nâng cao năm 2023. Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện của các địa phương và tổng hợp báo cáo kết quả về Ban Chỉ đạo tỉnh (qua Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh) theo quy định.

b) Nâng cao hiệu quả công tác thi đua, tuyên truyền:

- Tiếp tục xác định công tác tuyên truyền, vận động là việc làm thiết thực, thường xuyên và liên tục. Các ngành, các cấp tổ chức quán triệt, tuyên truyền các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh về xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021 - 2025 để cán bộ, đảng viên và Nhân dân hiểu rõ quan điểm chỉ đạo, mục đích, yêu cầu nội dung giải pháp trong xây dựng nông thôn mới. Cán bộ, đảng viên phải gương mẫu, tiên phong, tích cực tham gia xây dựng nông thôn mới.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông, thường xuyên cập nhật, đưa tin về các mô hình, các điển hình tiên tiến, sáng kiến và kinh nghiệm hay về xây dựng nông thôn mới trên các phương tiện thông tin đại chúng để phổ biến và nhân rộng. Bên cạnh đó, kịp thời uốn nắn những biểu hiện sai lệch, chạy theo thành tích trong quá trình thực hiện Chương trình.

- Tiếp tục thực hiện phong trào thi đua “Trà Vinh cùng cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025” và các phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, “Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch”, xây dựng cảnh quan môi trường sáng, xanh, sạch, đẹp. Có cơ chế bình xét, khen thưởng nhằm khuyến khích mọi tầng lớp Nhân dân và hệ thống chính trị thi đua đạt các mục tiêu của Chương trình; tổ chức tôn vinh doanh nghiệp, doanh nhân, hợp tác xã, cá nhân tiêu biểu có nhiều đóng góp trong xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu.

c) Công tác đào tạo, tập huấn:

Tiếp tục thực hiện đào tạo, tập huấn, nâng cao kiến thức, kỹ năng cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới các cấp trong tỉnh, nhất là cấp huyện, xã, ấp; ưu tiên các chuyên đề hướng dẫn triển khai các nội dung, quy định mới của Trung ương, của tỉnh ban hành cho giai đoạn 2021 - 2025, cụ thể: Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình; quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; hướng dẫn thực hiện các bộ tiêu chí (xã, huyện, tỉnh) đạt chuẩn nông thôn mới; Quy trình, thủ tục, hồ sơ đề nghị công nhận xã, huyện đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu,...

d) Phát triển sản xuất gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp; đẩy mạnh thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP):

Đẩy mạnh tiến độ thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Tăng cường ứng dụng tiến bộ kỹ

thuật, công nghệ vào sản xuất; khai thác tối đa tiềm năng, thế mạnh của từng địa phương; khuyến khích, hỗ trợ phát triển liên doanh, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị bền vững, sản xuất theo quy mô hàng hóa lớn, nhất là đối với các ngành hàng chủ lực của tỉnh. Quan tâm tạo điều kiện thuận lợi cho các HTX nông nghiệp phát triển, ưu tiên các HTX có mô hình sản xuất hiệu quả, áp dụng công nghệ cao, có liên doanh, liên kết hiệu quả. Xây dựng các mô hình phát triển kinh tế du lịch gắn với phát triển sản xuất nông nghiệp tại địa phương như: Mô hình du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, du lịch gắn với phát triển nông nghiệp, nông thôn,...; tập trung thực hiện có hiệu quả Chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP theo hướng nâng cao chất lượng gắn với xây dựng thương hiệu, tăng khả năng cạnh tranh và hướng đến xuất khẩu.

e) Đẩy mạnh phát triển giáo dục, y tế, bảo vệ môi trường và xây dựng đời sống văn hóa, giữ vững an ninh trật tự xã hội ở nông thôn:

- Tổ chức hướng dẫn, hỗ trợ Nhân dân thực hiện các nội dung về phát triển văn hóa xã hội, môi trường, đảm bảo an ninh trật tự ở nông thôn. Xây dựng nhiều mô hình ấp văn hóa, nông thôn mới hướng đến xây dựng ấp nông thôn mới kiểu mẫu và xã nông thôn mới kiểu mẫu.

- Giữ vững và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; đảm bảo duy trì tỷ lệ học sinh trong độ tuổi đến trường theo chỉ tiêu được giao; nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu và khám chữa bệnh; tăng cường tuyên truyền vận động hộ gia đình tham gia mua BHYT tự nguyện, đồng thời thực hiện tốt chính sách bảo hiểm y tế cho người dân nông thôn, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc. Duy trì và nâng cao các tiêu chí trong xây dựng chuẩn quốc gia về y tế xã.

- Giữ gìn an ninh trật tự ở nông thôn; chú trọng xây dựng và nhân rộng mô hình tự quản về an ninh trật tự ở khu dân cư; phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể và người có uy tín trong cộng đồng.

g) Về tăng cường thu hút các nguồn lực xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng ở nông thôn:

- Tiếp tục thực hiện huy động nguồn lực cho xây dựng nông thôn mới để nâng cấp cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và nâng cao đời sống của người dân trên địa bàn xã, ấp, ưu tiên đối với các lĩnh vực: Giao thông, điện, trường học, trạm y tế, nước sạch,...Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án của Trung ương đảm bảo đồng bộ, tránh trùng lặp, lãng phí. Đẩy mạnh xã hội hóa nguồn lực, huy động nguồn lực tại chỗ, phát huy vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng nông thôn mới, vận động các tổ chức, doanh nghiệp đóng góp cùng chung sức xây dựng nông thôn mới. Tận dụng nâng cấp các công trình hiện có, bảo tồn các công trình lịch sử, văn hóa.

- Bố trí ngân sách địa phương các cấp (*tỉnh, huyện*), tiếp tục huy động từ nhiều nguồn lực, bao gồm: Nguồn vốn tín dụng, các nguồn lực khác từ các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, từ xã hội, nguồn vốn đóng góp của

Nhân dân, các nguồn lực hợp pháp của các cá nhân, tổ chức quốc tế để cùng với nguồn lực từ ngân sách nhà nước tập trung đầu tư cho hạ tầng nông thôn và các mục tiêu xây dựng nông thôn mới.

2. Đề xuất, kiến nghị

Để thống nhất bộ phận tham mưu giúp việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới từ Trung ương đến địa phương, đề xuất Trung ương thống nhất chung một phương án thành lập Văn phòng Điều phối nông thôn mới ở các tỉnh.

Trên đây là báo cáo kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025./.

Nơi nhận:

- Đoàn Giám sát của Quốc hội khóa XV;
- Bộ NN&PTNT;
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh;
- BTT. UBMTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- TVBCĐ các CTMTQG và Phong trào
TĐĐKXDĐSVH tỉnh TV gđ 2021 - 2025;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- VPĐP NTM tỉnh;
- LĐVP. UBND tỉnh
- Các Phòng: THNV, KGVX;
- Lưu: VT, NN. 03

CHỦ TỊCH *Loạt*



Lê Văn Hân

PHỤ LỤC SỐ 01
HỆ THỐNG CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH VÀ CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTOG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Trung ương)

(Kèm theo Báo cáo số 51 /BC-UBND ngày 07 /3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh)

STT	LOẠI VĂN BẢN	TRÍCH YẾU
1	Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội	Phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025
2	Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ	Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025
3	Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ	Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025
4	Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ	Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia
5	Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ	Về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia
6	Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ	Về việc giao dự toán ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia
7	Quyết định số 1689/QĐ-TTg ngày 11/10/2021	Ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025
8	Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
9	Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025

PHỤ LỤC SỐ 02
HỆ THỐNG VĂN BẢN TRIỂN KHAI, THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Địa phương)

(Kèm theo Báo cáo số 51/BC-UBND ngày 07/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh)

STT	LOẠI VĂN BẢN	TRÍCH YẾU
1	Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh	Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách Trung ương và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Trà Vinh, giai đoạn 2021 - 2025
2	Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh	Thông qua Đề án xây dựng tỉnh Trà Vinh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trước năm 2025
3	Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 27/02/2023 của HĐND tỉnh	Ban hành Quy định nội dung chi và mức chi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, giai đoạn 2021 - 2025
4	Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của UBND tỉnh	Ban hành Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025
5	Quyết định số 1186/QĐ-UBND ngày 29/6/2022 của UBND tỉnh	Về việc kiện toàn Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025
6	Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh	Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025
7	Quyết định số 1416/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh	Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025;
8	Quyết định số 1417/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh	Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025
9	Quyết định số 2122/QĐ-	Ban hành Bộ tiêu chí ấp nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025

	UBND ngày 04/11/2022 của UBND tỉnh	
10	Quyết định số 2123/QĐ-UBND ngày 04/11/2022 của UBND tỉnh	Ban hành tiêu chuẩn “Áp văn hóa; Áp nông thôn mới”; “Gia đình văn hóa, nông thôn mới” trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025
11	Quyết định số 2207/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh	Phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm tỉnh Trà Vinh đến năm 2025
12	Quyết định số 2211/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 của UBND tỉnh	Ban hành Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025
13	Quyết định số 2212/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 của UBND tỉnh	Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025
14	Quyết định số 2291/QĐ-UBND ngày 25/11/2022 của UBND tỉnh	Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025
15	Quyết định số 2452/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND tỉnh	Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025
16	Quyết định số 1000/QĐ-UBND ngày 07/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh	Về việc thành lập Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia và Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025
17	Quyết định số 1045/QĐ-UBND ngày 16/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh	Về việc kiện toàn Hội đồng thẩm định, xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025
18	Quyết định số	Về việc thành lập Ban xây dựng “Đề án xây dựng tỉnh Trà Vinh hoàn

	1618/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh	thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trước năm 2025”
19	Quyết định số 1659/QĐ-UBND ngày 15/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh	Phân công nhiệm vụ các sở, ban, ngành tỉnh phụ trách hướng dẫn, hỗ trợ địa phương thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc các Bộ tiêu chí; Xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu; huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025
20	Quyết định số 2121/QĐ-UBND ngày 04/11/2022 của UBND tỉnh	Về việc thành lập Đoàn thẩm định xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu; thẩm tra huyện đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao và thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025
21	Quyết định số 59/QĐ-BCĐ ngày 26/7/2022 của Ban Chỉ đạo tỉnh	Về việc ban hành Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia và Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025
22	Quyết định số 72/QĐ-BCĐ ngày 05/9/2022 của Ban Chỉ đạo tỉnh	Ban hành Chương trình Truyền thông phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025
23	Kế hoạch số 45/KH-BCĐ ngày 22/6/2022 của Ban Chỉ đạo tỉnh	Phân công thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ huyện Cầu Ngang và huyện Duyên Hải đạt chuẩn nông thôn mới năm 2022
24	Kế hoạch số 66/KH-BCĐ ngày 22/8/2022 của Ban Chỉ đạo tỉnh	Triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Trà Vinh năm 2022

PHỤ LỤC SỐ 03

KẾT QUẢ THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ NÔNG THÔN MỚI TỪ THÁNG 7/2021-THÁNG 6/2023

(Kèm theo Báo cáo số 51 /BC-UBND ngày 07 /3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh)

TT	Nội dung	ĐVT	Mục tiêu giai đoạn 2021-2025	Kết quả thực hiện từ tháng 7/2021-hết tháng 6/2023	Kết quả thực hiện bộ tiêu chí quốc gia về NTM				Ghi chú
					Kết quả thực hiện từ tháng 7/2021-hết tháng 12/2021	Kết quả thực hiện năm 2022	Kế hoạch thực hiện năm 2023	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2023	
I	Bộ tiêu chí quốc gia về xã đạt chuẩn NTM	xã							
1	Quy hoạch		13	13	10	3			
2	Giao thông		13	13	10	3			
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai		13	13	10	3			
4	Điện		13	13	10	3			
5	Trường học		13	13	10	3			
6	Cơ sở vật chất văn hóa		13	13	10	3			
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn		13	13	10	3			
8	Thông tin và Truyền thông		13	13	10	3			
9	Nhà ở dân cư		13	13	10	3			
10	Thu nhập		13	13	10	3			
11	Nghèo đa chiều		13	13	10	3			
12	Lao động		13	13	10	3			
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn		13	13	10	3			
14	Giáo dục và Đào tạo		13	13	10	3			

15	Y tế		13	13	10	3			
16	Văn hóa		13	13	10	3			
17	Môi trường và ATTP		13	13	10	3			
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật		13	13	10	3			
19	Quốc phòng và An ninh		13	13	10	3			
II	Bộ tiêu chí quốc gia về xã đạt chuẩn NTM nâng cao	xã							
1	Quy hoạch		49	32	16	10	6		
2	Giao thông		49	32	16	10	6		
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai		49	32	16	10	6		
4	Điện		49	32	16	10	6		
5	Giáo dục		49	32	16	10	6		
6	Văn hóa		49	32	16	10	6		
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn		49	32	16	10	6		
8	Thông tin và Truyền thông		49	32	16	10	6		
9	Nhà ở dân cư		49	32	16	10	6		
10	Thu nhập		49	32	16	10	6		
11	Nghèo đa chiều		49	32	16	10	6		
12	Lao động		49	32	16	10	6		
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn		49	32	16	10	6		
14	Y tế		49	32	16	10	6		
15	Hành chính công		49	32	16	10	6		
16	Tiếp cận pháp luật		49	32	16	10	6		
17	Môi trường		49	32	16	10	6		
18	Chất lượng môi trường sống		49	32	16	10	6		
19	Quốc phòng và An ninh		49	32	16	10	6		
III	Bộ tiêu chí huyện đạt chuẩn NTM	huyện							
1	Quy hoạch		4	4	1	2	1		

2	Giao thông		4	4	1	2	1		
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai		4	4	1	2	1		
4	Điện		4	4	1	2	1		
5	Y tế-Văn hóa-Giáo dục		4	4	1	2	1		
6	Kinh tế		4	4	1	2	1		
7	Môi trường		4	4	1	2	1		
8	Chất lượng môi trường sống		4	4	1	2	1		
9	Hệ thống chính trị-An ninh trật tự-Hành chính công		4	4	1	2	1		
IV	Bộ tiêu chí huyện đạt chuẩn NTM nâng cao	huyện							
1	Quy hoạch		3	1			1		
2	Giao thông		3	1			1		
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai		3	1			1		
4	Điện		3	1			1		
5	Y tế-Văn hóa-Giáo dục		3	1			1		
6	Kinh tế		3	1			1		
7	Môi trường		3	1			1		
8	Chất lượng môi trường sống		3	1			1		
9	An ninh trật tự-Hành chính công		3	1			1		



PHỤ LỤC SỐ 04

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TỪ THÁNG 7/2021 ĐẾN THÁNG 6/2023

(Kèm theo Báo cáo số 51 /BC-UBND ngày 07 /3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh)

TT	Nội dung	Mục tiêu giai đoạn 2021-2025	Kết quả thực hiện từ tháng 7/2021 đến hết tháng 6/2023	Kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM				Ghi chú
				Kết quả thực hiện từ tháng 7/2021 đến hết tháng 12/2021	Kết quả thực hiện năm 2022	Kế hoạch thực hiện năm 2023	Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2023	
I	Tổng số đơn vị cấp huyện thực hiện XD NTM trên địa bàn	4	4	1	2			
	Trong đó							
-	Số đơn vị cấp huyện đã được công nhận đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM	1	1	1	0	0	0	
-	Số đơn vị cấp huyện đã hoàn thành thủ tục hợp Hội đồng thẩm định Trung ương (hiện đang trình Thủ tướng Chính phủ)	2	2	0	2	0	0	
-	Số đơn vị cấp huyện đang triển khai thủ tục trình TTCP công nhận đạt chuẩn ở cấp tỉnh (đề nghị ghi rõ tên đơn vị cấp huyện)	1 (huyện Trà Cú)	1 (huyện Trà Cú)	0	0	1 (huyện Trà Cú)	0	
II	Kết quả thực hiện xây dựng NTM cấp xã							
1	Tổng số xã thực hiện XD NTM trên địa bàn (không bao gồm các thị trấn)	13	13	10	3	0	0	
1.1	Số xã ĐBKK khu vực III thuộc Chương trình DTTS và Miền núi	12	12	10	2	0	0	
1.2	Số xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo thuộc Chương trình Giảm nghèo bền vững							
1.3	Số xã còn lại	1	1	0	1	0	0	

2	Số xã đạt 19 tiêu chí	13						
2.1	Số xã có QĐ công nhận đạt chuẩn NTM	10	10	10	0	0	0	
-	Số xã ĐBKK khu vực III thuộc Chương trình DTTS và Miền núi	10	10	10	0	0	0	
-	Số xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo thuộc Chương trình Giảm nghèo bền vững							
-	Số xã còn lại	0	0	0	0	0	0	
2.2	Số xã đang hoàn thiện thủ tục trình cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn NTM	3	3	0	3	0	0	
-	Số xã ĐBKK khu vực III thuộc Chương trình DTTS và Miền núi	2	2	0	2	0	0	
-	Số xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo thuộc Chương trình Giảm nghèo bền vững							
-	Số xã còn lại	1	1	0	1	0	0	
2.3	Số xã có QĐ công nhận đạt chuẩn NTM nâng cao	49	32	16	10	6	0	
2.4	Số xã có QĐ công nhận đạt chuẩn NTM kiểu mẫu	9	5	0	2	3	0	
3	Số xã đạt từ 15 - 18 tiêu chí							
-	Số xã ĐBKK khu vực III thuộc Chương trình DTTS và Miền núi							
-	Số xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo thuộc Chương trình Giảm nghèo bền vững							
-	Số xã còn lại	2	2			2	2	
4	Số xã đạt từ 10 - 14 tiêu chí							
-	Số xã ĐBKK khu vực III thuộc Chương trình DTTS và Miền núi							
-	Số xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo thuộc Chương trình Giảm nghèo bền vững							
-	Số xã còn lại							
5	Số xã đạt từ 5 - 9 tiêu chí							

-	Số xã ĐBKK khu vực III thuộc Chương trình DTTS và Miền núi						
-	Số xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo thuộc Chương trình Giảm nghèo bền vững						
-	Số xã còn lại						
III	Kết quả đạt chuẩn NTM cấp thôn, bản						
1	Số đơn vị cấp thôn thuộc các xã ĐBKK được công nhận đạt chuẩn NTM	96	96	81	15		
2	Số thôn, bản, ấp còn lại được công nhận đạt chuẩn NTM (nếu có)						
3	Số thôn, bản, ấp được công nhân NTM	77	77	44	24	9	0



PHỤ LỤC SỐ 05
KẾT QUẢ PHÂN BỐ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 CỦA TỈNH TRÀ VINH
(Kèm theo Báo cáo số 51 /BC-UBND ngày 07/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh)

TT	Đối tượng được phân bổ vốn ngân sách trung ương	ĐVT	Số lượng đơn vị được phân bổ vốn NSTW	Định mức phân bổ vốn NSTW/đối tượng (Triệu đồng)	Tổng vốn giai đoạn 2021-2025 (Triệu đồng)	Trong đó			Ghi chú	
						Tổng vốn đầu tư phát triển	Bao gồm			Kinh phí sự nghiệp
							Vốn đầu tư phát triển	Vốn nước ngoài		
TỔNG CỘNG										
1	Huyện phân đấu đạt chuẩn NTM	huyện	3	258.846	431.372	424.846	424.846		6.526	
2	Xã Khu vực III vùng DTTS&MN; xã BĐKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo	xã	4	22.700	123.380	123.380	123.380			
3	Xã ATK (không thuộc địa bàn được hỗ trợ của 02 Chương trình còn lại	xã								
4	Xã dưới 15 tiêu chí	xã								
5	Xã đạt từ 15 - 18 tiêu chí	xã	2	14.000	24.620	24.620	24.620			
6	Xã đạt chuẩn NTM	xã								



PHỤ LỤC 06

**KẾT QUẢ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
TỪ THÁNG 7/2021 ĐẾN THÁNG 6/2023**

(Kèm theo Báo cáo số 51 /BC-UBND ngày 07 /3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh)

STT	Nội dung chỉ tiêu	Mục tiêu giai đoạn 2021-2025	Kết quả thực hiện từ tháng 7/2021 đến hết tháng 6/2023	Kết quả huy động nguồn lực thực hiện Chương trình				Ghi chú
				Kết quả huy động từ tháng 7/2021 đến hết tháng 12/2021	Kết quả huy động năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2023	
	TỔNG CỘNG		T=(1)+(2) +(4)	(1)	(2)	(3)	(4)	
I	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG							
1	Đầu tư phát triển		184.140	-	100.770	83.370		
1.1	Vốn trong nước		184.140	-	100.770	83.370		
1.2	Vốn nước ngoài (Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn vay vốn ADB)		-	-	-	-		
2	Sự nghiệp		49.303	-	23.390	25.913		
II	NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG							
1	Tỉnh		542.000	200.000	172.000	170.000		
2	Huyện							
3	Xã							
III	VỐN LÒNG GHÉP		2.198.711	1.631.762	566.949			
IV	VỐN TÍNH DỤNG		6.127.396	6.039.678	87.718			
V	VỐN DOANH NGHIỆP		94.308	45.004	49.304			
VI	HUY ĐỘNG TỪ NGƯỜI DÂN VÀ CỘNG ĐỒNG		210.500	103.893	106.607			
1	Tiền mặt							
2	Ngày công và hiện vật quy đổi		210.500	103.893	106.607			



PHỤ LỤC SỐ 07

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TỪ THÁNG 7/2021 ĐẾN THÁNG 6/2023**
(Kèm theo Báo cáo số 51 /BC-UBND ngày 07 /3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh)

ĐVT: Triệu đồng.

TT	CÔNG TRÌNH	Tổng kế hoạch vốn ĐTPT được giao từ tháng 7/2021 đến hết tháng 12/2023	Kết quả thực hiện từ tháng 7/2021 đến hết tháng 6/2023	Kết quả thực hiện vốn đầu tư phát triển từ NSTW				Ghi chú
				Từ tháng 7/2021 đến hết tháng 12/2021	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch được giao năm 2023	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2023	
			T=(1)+(2)+(4)	(1)	(2)	(3)	(4)	
	TỔNG CỘNG		100.770	-	100.770	-	-	
1	Giao thông		78.767	-	78.767	-	-	
2	Thủy lợi		-	-	-	-	-	
3	Phòng chống thiên tai		-	-	-	-	-	
4	Điện		-	-	-	-	-	
5	Trường học		5.900	-	5.900	-	-	
6	CSVC Văn hóa		13.074	-	13.074	-	-	
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn		629	-	629	-	-	
8	CSHT vùng nguyên liệu tập trung		-	-	-	-	-	
9	Trạm y tế xã, trung tâm y tế huyện		-	-	-	-	-	
10	Hệ thống cơ sở hạ tầng số, chuyển đổi số trong nông nghiệp, nông thôn		-	-	-	-	-	
11	Công trình cung cấp nước sạch tập trung		-	-	-	-	-	
12	CSHT bảo vệ môi trường nông thôn; các mô hình xử lý chất thải sinh hoạt quy mô tập trung (cấp huyện và liên huyện); hệ thống thu gom, thoát nước thải và các công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung		1.050	-	1.050	-	-	
13	Khác (nếu có)		1.350	-	1.350	-	-	